

ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU ĐẦU TƯ ĐỂ GIỮ VỮNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

PTS. TRẦN ĐỨC HẠNH

I. Chính sách đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước ta từ năm 1986 đã tạo bước ngoặt mới cho sự phát triển kinh tế và giai đoạn 1991-1995 được xem là thời kỳ tăng trưởng ổn định đầy khích lệ. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 1990-1995 của cả nước là 8,2%, của t/p Hồ Chí Minh là 12,6%. Tuy nhiên qua năm 1996 trên địa bàn TP cũng như trong cả nước đã xuất hiện những dấu hiệu không bình thường, đáng lo ngại cho sự phát triển của một nền kinh tế lành mạnh. Điển hình là:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn tiếp tục tăng ở mức cao, song có xu hướng giảm dần qua hai năm 1996 và 1997 (Tốc độ tăng GDP cả nước năm 1995 là 9,5%, năm 1996 là 9,3%, năm 1997 là 9%; riêng ở TP.HCM năm 1995 là 15,3%, năm 1996 là 14,7%, năm 1997 là 12,1%).

2. Mặc dù nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng song mức tiêu thụ hàng hóa giảm, điều này thể hiện qua việc tồn đọng một số lượng hàng lớn trên thị trường; tốc độ chu chuyển hàng hóa và vòng quay của đồng vốn rất chậm.

3. Diễn biến giá cả biểu hiện xu hướng thiếu phát rõ nét và liên tục trong nhiều tháng của năm 1996 và 1997, trong khi nền kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng. Đặc biệt việc giảm giá lại xảy ra chủ yếu đối với các sản phẩm đầu ra, trong khi các yếu tố đầu vào và thuế hầu như không giảm.

4. Tốc độ phát triển công nghiệp tiếp tục giảm, (của cả nước năm 1995: 14,5%, năm 1996: 14,1%, năm 1997: 13,2%; của TP năm 1995: 17,7%, năm 1996: 17,3%; năm 1997: 13,7%).

Những dấu hiệu bất bình thường kể trên đi ngược với yêu cầu của một nền kinh tế đang phát triển với tốc độ cao, đó phải chăng là minh chứng của một sự phát triển không ổn định và chứng tỏ sự tồn tại những mâu thuẫn nội tại bên trong nền kinh tế.

Tình trạng tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng chậm lại đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm phân tích trên nhiều góc độ khác nhau nhằm tìm ra giải pháp thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng. Bài báo này xin đóng góp một vài suy nghĩ, phân tích về tình hình tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua xét từ góc độ đầu tư xoay quanh tác động của cặp nhân tố số nhân - gia tốc.

Từ lý thuyết kinh tế vĩ mô chúng ta biết rằng một sự tăng trưởng cân đối sẽ tạo nên trạng thái cân bằng, ở đó các giá trị cung cầu sẽ tự điều chỉnh thích ứng để chỉ tiêu kinh tế tổng hợp luôn tăng với tốc độ ổn định. Tuy nhiên, sự cân bằng chỉ là tạm thời, mang tính tương đối, còn tính không ổn định của nền kinh tế mới là thường xuyên. Trong số các nhân tố gây nên những biến động thăng trầm đó đầu tư được coi là nhân tố đặc trưng điển hình.

Các nhà kinh tế đã khám phá ra rằng giữa sự tăng giảm của quy mô và tốc độ đầu tư với tổng giá trị sản phẩm có mối quan hệ phụ thuộc chặt chẽ, được hình thành dưới tác động của cặp nhân tố số nhân - gia tốc.

Cặp nhân tố số nhân - gia tốc được coi là những nhân

tố nội sinh cơ bản gây nên biến động của nền kinh tế, chúng cùng tồn tại, cùng tác động và chế ngự lẫn nhau trong mọi giai đoạn của chu kỳ kinh doanh (CKKD), chỉ có điều tùy theo tính chất của từng giai đoạn (suy thoái hay mở rộng) mà vai trò tác động của từng nhân tố sẽ nổi bật lên. Tuy nhiên cũng cần chú ý rằng các nhân tố này xuất hiện để thay đổi vai trò tác động cho nhau chỉ trong những điều kiện nhất định mà ta có thể thấy được từ những biểu hiện bên ngoài. Do vậy nhiều nhà kinh tế cho rằng để số nhân và nguyên tắc gia tốc phát huy tác dụng thì phải có

tác động từ bên ngoài (những chính sách đổi mới, tác động của mối quan hệ cung - cầu...) và sau đó nền kinh tế sẽ tự điều chỉnh và chuyển động bằng năng lực nội sinh (gây ra bởi số nhân hay nguyên tắc gia tốc) phụ thuộc vào cấu trúc bên trong của nó. Song CKKD là một quá trình liên tục nên nếu nhìn ở góc độ khác thì những biểu hiện bên ngoài này cũng là kết quả gây ra bởi CKKD. Dưới đây ta sẽ điểm qua những nét đặc trưng của mô hình số nhân và nguyên tắc gia tốc.

Mô hình số nhân là một phạm trù phản ánh mối quan hệ giữa sự gia tăng tổng giá trị sản phẩm và gia tăng đầu tư, trong đó số nhân là hệ số phản ánh sự thay đổi của tổng giá trị sản phẩm khi tổng đầu tư thay đổi một đơn vị. Theo đó thì mức đầu tư sẽ quyết định tổng giá trị sản phẩm hàng hoá sản xuất ra. Khi mô hình số nhân phát huy tác dụng thì từ một sự đầu tư ban đầu sẽ dẫn đến sự gia tăng của giá trị tổng sản phẩm xã hội, của thu nhập và chi tiêu;



và kết quả này đến lượt nó lại kích thích sự gia tăng đầu tư. Quá trình trên cứ liên tiếp diễn ra như một phản ứng dây chuyền theo chiều hướng có lợi cho sự phát triển của nền kinh tế và nó chỉ dừng lại, đổi hướng khi mà sức mua của xã hội giảm, cung vượt cầu. Song nếu cung vượt cầu hay sức mua giảm là sự biểu hiện bên ngoài, thì sự vận động theo cấu trúc bên trong thể hiện ra sao?

Ta thấy rằng nếu mô hình số nhân hoạt động liên tục trong một khoảng thời gian dài thì tác dụng của nó sẽ giảm đi, đó là do trong mỗi thời kỳ mà số nhân phát huy tác dụng đều tồn tại sự "rò rỉ" trong luồng chi phí, đó thường là một phần của tích lũy nhưng không được chuyển thành đầu tư. Bên cạnh đó nếu cơ cấu đầu tư không hợp lý hay nếu đầu tư một cách lãng phí không có hiệu quả thì mô hình số nhân cũng không thể phát huy hết tác dụng. Khi những khả năng trên xảy ra thì lượng đầu tư sẽ giảm, việc làm bị thu hẹp, tiền lương không tăng, dẫn đến thu nhập thực tế giảm. Yếu tố này sẽ tác động đến thu nhập và làm cho sức mua của xã hội giảm dần. Và khi sức mua giảm thì đó là nguy cơ dẫn đến sự thu hẹp sản xuất, sụt giảm về tổng sản lượng, lúc đó cơ chế tác động của sản lượng đến đầu tư được giải thích bằng nguyên tắc gia tốc.

Nguyên tắc gia tốc cho rằng: Số vốn mà xã hội cần để đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng phụ thuộc trước tiên vào số lượng hàng hoá sản xuất ra có thể tiêu thụ. Điều này có nghĩa là nền kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng nếu như hàng hoá sản xuất ra luôn tiêu thụ được, mức cung hàng hoá chưa vượt khỏi cầu (mặc dù cầu là một biến động có xu hướng tăng). Như vậy một thời kỳ hưng thịnh có thể chấm dứt không đơn giản chỉ do lượng hàng hoá bán ra bị giảm sút mà thậm chí còn có thể ngay cả trong trường hợp hàng hoá bán ra bị chững lại (mặc dù chững lại ở mức cao).

Như vậy để mức đầu tư tiếp tục tăng thì lượng hàng hoá bán ra phải tăng với tốc độ nhanh hơn, còn trong trường hợp ngược lại đầu tư rủng sẽ giảm xuống. Và một khi vốn đầu tư giảm mạnh thì nó sẽ làm cho tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế suy giảm, vì sản xuất bị thu hẹp. Nếu tình trạng trên không được khắc phục thì chắc chắn sẽ không tránh khỏi nguy cơ rơi vào suy thoái. Như vậy nguyên tắc gia tốc là một trong những khuynh hướng cơ bản giải thích mối quan hệ phụ thuộc của đầu tư vào tổng giá trị hàng hoá sản xuất ra, trong đó mức tổng giá trị hàng hoá sản xuất ra quyết định mức đầu tư.

Từ đó ta thấy nguyên tắc gia tốc và nguyên tắc số nhân là hai nguyên tắc có quan hệ chặt chẽ, chúng có thể phát huy tác dụng để cùng thúc đẩy sự gia tăng tổng sản lượng ở mức nhanh hơn hoặc cùng làm cho tốc độ gia tăng đó chậm lại với mức độ ngày càng trầm trọng hơn. Do vậy ngày nay trong quản lý người ta thường tận dụng khai thác triệt để tính tích cực của hai nhân tố trên để điều chỉnh các chính sách kinh tế vĩ mô cho thích hợp, nhằm làm dịu bớt những cực đối lập của chu kỳ kinh doanh và làm cho sản xuất xuất hiện CKKD ngày càng ít hơn.

Tuy nhiên cũng cần chú ý rằng trong cả hai trường hợp khi dao động của chu kỳ đối hướng thì sự thay đổi đầu tư thường xảy ra với một độ trễ nhất định so với sự thay đổi của tổng mức hàng hoá tiêu thụ hoặc ngược lại.

II. Để đánh giá tác động của đầu tư đến quá trình tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua đặc biệt là trên địa bàn t/p ta cần xác định rõ:

1. Quan hệ cung cầu đang ở mức nào? Phải chăng cung đã vượt xa cầu?

Câu trả lời chung cho câu hỏi trên sẽ được đưa ra sau khi chúng ta xét kỹ các chứng cứ sau:

(1) - Trong nhiều năm qua tốc độ tăng trưởng kinh tế đã vượt xa tốc độ tăng dân số - đây cũng là một điều kiện quan trọng góp phần cải thiện mối quan hệ cung-cầu theo hướng tăng cung hàng hoá cho thị trường. Kết quả diễn biến của hai chỉ tiêu trên được thể hiện trong bảng số liệu 1.1

Bảng 1.1

	Tốc độ tăng GDP	Tốc độ tăng dân số	Chênh lệch
1990	5,1	2,3	2,8
1991	6,0	2,3	3,9
1992	8,6	2,4	6,2
1993	8,1	2,3	5,8
1994	8,8	2,1	6,7
1995	9,5	2,0	7,5
1996	9,34	1,9	7,44
1997	9,0	1,8	7,2

Trong bảng 1.1, ta thấy giá trị GDP tăng nhanh và ở mức cao, đặc biệt là từ năm 1992 đến 1997, trong khi đó, tốc độ tăng dân số thay đổi không nhiều và có xu hướng giảm dần. Do có sự giãn ra ngày càng lớn giữa tốc độ tăng GDP và tốc độ tăng dân số mà thu nhập của người dân ngày càng tăng, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện. Và khi chỉ tiêu GDP/người tăng như là kết quả tác động đồng thời của cả hai chỉ tiêu trên thì trong đó cũng đã bao hàm ý nghĩa về một sự tăng cung hàng hóa cho mỗi người dân, góp phần làm dịu bớt sự căng thẳng của quan hệ cung-cầu trên thị trường.

(2) Kết quả nghiên cứu của một số nhà kinh tế dựa trên số liệu thống kê của cả nước trong sáu tháng đầu năm 1997 đã chứng minh rằng hiện tại mức cung hàng hoá đã vượt quá mức cầu có khả năng thanh toán (sức mua của dân).

Cụ thể là tổng cung tăng 8,7%, còn tổng cầu chỉ tăng 6,8%. So sánh hai chỉ số trên ta thấy rõ nguyên nhân tại sao sức mua giảm và giá cả không tăng trong thời gian qua ("Sức mua xã hội tăng thấp vì sao?" Bài của Dương Ngọc đăng trên Thời báo Kinh tế Việt Nam số 58/1997)

(3) Cũng theo số liệu của Cục Thống kê TP.HCM, thì 2 năm nay sức mua có xu hướng giảm dần. Bảng 1.2 chỉ rõ tốc độ tiêu dùng cuối cùng của Nhà nước và dân cư đều giảm qua các năm, đặc biệt là tiêu dùng của dân cư. Thậm chí nếu loại trừ yếu tố biến động giá thì quỹ tiêu dùng cuối cùng của dân cư năm 1997 chỉ tăng 5,5% trong khi mức tăng của năm 1996 là 8% và của năm 1995 là 10%.

Bảng 1.2 Tiêu dùng của Nhà nước và dân cư

Đơn vị tính: tỷ đồng

	1994	1995	1996	1997
1)- Tiêu dùng cuối cùng	19488	25066	30003	32917
Tốc độ tăng	141,3%	129%	119,7%	109,7%
Trong đó:				
-Tiêu dùng của dân cư	17562	22579	27019	29335
Tốc độ tăng		128,9%	119,6%	108,6%
-Tiêu dùng của Nhà nước	1962	2468	2983	3582
Tốc độ tăng		125,8%	120,1%	120%

Nguồn: B/c tình hình Kinh tế - Xã hội t/p Hồ Chí Minh tháng 12 năm 1997 của Cục thống kê.

(4) Tình trạng sức mua giảm sút còn thể hiện rõ qua số liệu thống kê về tổng mức hàng bán (Xem bảng 1.3)

Bảng 1.3: Diễn biến tổng mức hàng bán

Đơn vị: tỷ đồng (theo giá thực tế)

	1992	1993	1994	1995	1996	1997
A. Tổng mức hàng bán buôn và bán lẻ	34768	46511	63395	90904	111725	119211
Tốc độ tăng %	-	133,8	136,3	143,4	122,9	106,7
B. Tổng mức bán lẻ.	13176	17909	24656	34842	41337	44246
Tốc độ tăng %	-	135,9	137,7	141,3	118,6	107

Nguồn: Niên giám thống kê TP. HCM năm 1995, 1996 và 1997.

Kết quả trong bảng 1.3 chỉ rõ tốc độ tăng của tổng

mức hàng hóa bán ra (bao gồm bán buôn và bán lẻ) và tổng mức hàng hóa bán lẻ liên tục giảm trong 2 năm 1996 và 1997. Điều này còn thể hiện rõ nét hơn nữa khi chúng ta xét cụ thể tổng mức hàng hóa bán ra theo từng loại hình phục vụ (xem bảng 1.4).

Bảng 1.4: Tổng mức hàng hóa bán ra phân theo ngành
Đơn vị: Tỷ đồng (theo giá thực tế)

	1992	1993	1994	1995	1996	1997
Tổng số	34768	46511	63395	90904	111725	119211
-Khu vực kinh tế nội địa	34377	46177	62947	90107	110878	118306
Trong đó:						
1. Thương nghiệp	26743	39446	53841	78090	96985	102503
Tốc độ tăng (%)		147,5	136	145	124	105,7
2. Ăn uống	1274	2083	3208	4603	5714	6180
Tốc độ tăng (%)		163	154	143	124	108,1
3. Dịch vụ	493	973	1639	2034	2254	2775
Tốc độ tăng (%)		192	174	124	111	136,4
4. DNSX trực tiếp bán sản phẩm	5837	3675	4259	5380	5925	6848
Tốc độ tăng (%)		63	116	126	110	115,5
-Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	391	334	448	797	847	905
Tốc độ tăng (%)			134	178	106	96

Nguồn: Niên giám thống kê 1997

Theo số liệu tính toán trên thì tốc độ tăng của mức hàng hóa bán ra trong lĩnh vực thương nghiệp giảm nhiều trong hai năm 1996, 1997. Và chính sự tăng giảm trong ngành thương nghiệp mới thật sự phản ánh mức cầu tiêu dùng của dân cư. Điều này một lần nữa chứng minh cho luận điểm sức mua hầu như đã bão hòa, không tăng; cầu có khả năng thanh toán giảm.

Từ những chứng cứ đã xét ở trên ta có thể thấy rằng tổng cung hàng hóa đã vượt cầu đối với những mặt hàng tiêu dùng thường xuyên của dân cư (cho dù mức tiêu dùng của đại bộ phận dân cư còn thấp). Hay nói một cách cụ thể hơn thì trên thị trường luôn tồn tại lượng hàng hóa khá lớn đủ khả năng thỏa mãn cầu có khả năng thanh toán của dân cư trong bất kỳ tình huống nào.

2. Khi sức mua không tăng và trên thị trường cung hàng hoá đã vượt khỏi cầu thì cập nhân tố số nhân - gia tốc sẽ tác động ra sao?

Khi nói đến tác động của cập nhân tố số nhân - gia tốc là ta muốn đề cập đến những biểu hiện thay đổi trong quan hệ giữa đầu tư và tổng giá trị sản phẩm dưới tác động của cập nhân tố nói trên.

Đối chiếu với tình hình thực tế của TP, qua phân tích số liệu ta thấy tốc độ tăng của tổng mức hàng hoá bán ra và của tổng giá trị sản lượng chuyển hướng và bắt đầu giảm từ năm 1996. Theo lý thuyết phân tích ở trên thì đây chính là thời điểm mà nguyên tắc gia tốc phát huy tác dụng, làm giảm mức đầu tư. Và thực tế tình hình đầu tư trên địa bàn đã diễn ra theo đúng xu hướng trên (xem bảng 1.5)

Bảng 1.5 Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn
Đơn vị: tỷ đồng

	1994	1995	1996	1997
Tổng vốn đầu tư	9557	12713	18645	22969
Tốc độ tăng %	131	133	147	123

Nguồn: Niên giám Thống kê 1997.

Kết quả trong bảng trên cho thấy mặc dù tốc độ tăng GDP bắt đầu giảm từ năm 1996, song tốc độ tăng đầu tư chỉ giảm từ năm 1997, đây cũng là điều dễ hiểu khi mà theo nguyên tắc gia tốc thì sự tăng giảm của mức hàng hoá bán ra và sản lượng quyết định sự tăng giảm của đầu tư, do vậy tốc độ đầu tư giảm đã diễn ra với độ trễ là một

năm.

Tuy nhiên cũng cần lưu ý rằng việc vốn đầu tư bị giảm đi tương đối có thể còn do một nguyên nhân khác nữa là việc thực hiện ND 42/CP về "Điều lệ quản lý đầu tư xây dựng" và ND 43/CP về "Quy chế đấu thầu" ban hành tháng 7/1996 đã làm cho tốc độ triển khai thực hiện vốn bị chậm lại. Song nếu xét chung trên tổng thể thì rõ ràng những nguyên nhân nội sinh của đầu tư đã phát huy tác dụng. Điều này còn thể hiện qua việc một lượng lớn nguồn vốn được hình thành từ tích lũy song không được chuyển thành đầu tư. Theo báo cáo của Sở KH-ĐT thì trong năm 1997 tổng tích lũy là 19958 tỷ đồng và tổng đầu tư là 22969 tỷ đồng. Nếu loại trừ vốn đầu tư nước ngoài là 8748 tỷ đồng thì tích lũy đưa vào đầu tư chỉ chiếm 75,25%. Như vậy còn gần 25% tổng tích lũy (khoảng trên 5537 tỷ đồng) chưa được đưa vào đầu tư.

Thêm vào đó là tình trạng ứ đọng một lượng vốn khá lớn trong các ngân hàng (ước tính tổng số vốn ứ đọng của các ngân hàng thương mại tính đến cuối năm 1996 là khoảng 2000 tỷ đồng). Tình trạng ứ đọng vốn đã được cải thiện hơn trong năm 1997 song tỷ lệ nợ quá hạn còn ở mức khá cao (trên 20%). Do hiệu quả sử dụng đồng vốn rất thấp, thậm chí có lúc lợi nhuận thu được còn thấp hơn lãi suất huy động của ngân hàng do vậy nhiều doanh nghiệp không còn hứng hái đầu tư cho sản xuất nữa. Điều này thể hiện qua sự đóng góp của các doanh nghiệp trong tổng huy động vốn tại các ngân hàng là khá lớn, (chỉ tính riêng thành phố HCM tính đến cuối năm 1997 nguồn đóng góp của các doanh nghiệp chiếm gần 50% trong tổng nguồn vốn huy động của ngân hàng), chứng tỏ có một lượng vốn lớn chưa được sử dụng có hiệu quả để đầu tư cho phát triển.

Bên cạnh đó, nếu nhìn vào cơ cấu vốn đầu tư ta thấy trong thời gian qua vốn đầu tư cho kinh doanh bất động sản (BDS) có tốc độ tăng khá cao và chiếm tỷ trọng lớn trong vốn đầu tư. Qua kết quả tính toán trong bảng 1.6 ta thấy vốn đầu tư cho kinh doanh BDS tăng nhanh cả về số tuyệt đối lẫn số tương đối (riêng năm 1997 tăng hơn 2 lần so cả năm 1996) tỷ lệ vốn kinh doanh bất động sản tăng nhanh qua các năm và trong năm 1997 đã chiếm 15% tổng vốn đầu tư (so với năm 1996 chỉ chiếm 8,6% và năm 1995 chiếm 9,5%), do vậy phần còn lại cho đầu tư sản xuất ngày càng chiếm tỷ trọng nhỏ hơn. Và một khi cơ cấu đầu tư không hợp lý, không phục vụ sát nhu cầu thực tế thì mặc dù lượng tư bản đầu tư tăng song nó cũng sẽ không hứa hẹn về một kết quả tốt đẹp (diễn hình là tình hình đầu tư và kinh doanh vào lĩnh vực nhà hàng, khách sạn trong thời gian qua).

Bảng 1.6 Tình hình kinh doanh BDS
Đơn vị: Tỷ đồng

	1995	1996	1997
Tổng vốn đầu tư chung	12713	18645	22969
Tổng vốn kinh doanh bất động sản	1202	1611	3446
Tốc độ tăng vốn kinh doanh bất động sản (%)		134	213,9
Tỷ lệ vốn kinh doanh BDS/tổng vốn đầu tư (%)	9,5	8,6	15

Nguồn: Niên giám thống kê 1997.

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng chậm lại là do phần nào chịu ảnh hưởng bởi tác động của đầu tư thông qua tác động của cặp nhân tố số nhân - gia tốc. Để đảm bảo cho nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định liên tục và bền vững thì Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng. Những đường lối chính sách mà Nhà nước đưa ra sẽ có tác dụng mạnh mẽ trong việc ổn định nền kinh tế, vì nó sẽ làm dịu bớt hay mạnh mẽ thêm mức độ gay gắt của những dao động chu kỳ.

III. Để đảm bảo cho nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định và liên tục trong thời gian tới bên cạnh việc đẩy mạnh các biện pháp huy động vốn nhằm tăng nhanh vốn đầu tư cần chú ý giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến vốn đầu tư như sau:

1. Phải xác định được một cơ cấu đầu tư hợp lý cho các dự án phát triển và phải đảm bảo kịp thời nguồn vốn để thực hiện các dự án đó trên cơ sở thường xuyên kiểm tra theo dõi tiến độ thực hiện.

Cơ cấu đầu tư như thế nào là hợp lý? Đây là câu hỏi khó có trả lời chính xác, vì nó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Song theo chúng tôi thì cơ cấu đầu tư hợp lý trước hết phải là cơ cấu được xây dựng dựa trên quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội thống nhất giữa các khu vực và các ngành trên địa bàn. Song nếu đầu tư theo đúng quy hoạch thì cũng có rất nhiều dự án cần đầu tư, vậy ta nên chọn những dự án nào, thuộc lĩnh vực nào để thực hiện đầu tư trong điều kiện nguồn vốn còn hạn chế, nhằm tránh việc đầu tư không tập trung và dàn trải gây lãng phí thất thoát rất lớn mà hiệu quả không cao. Vậy nên chăng ở đây phải tìm ra được những tiêu chuẩn đầu tư nhất định trong chiến lược phát triển. Chúng tôi xin phác thảo một số tiêu chuẩn sau:

a. Nếu số lượng vốn hạn hẹp, không thể phân bổ đều cho các dự án thì cần ưu tiên cho các dự án có mức thâm dụng vốn thấp, song đưa lại hiệu quả kinh tế đáng kể trong thời hạn ngắn nhất, có nghĩa là cần đặc biệt quan tâm đến những dự án nào làm ra tối đa giá trị sản phẩm với lượng tư bản đầu tư nhỏ nhất.

b. Nên tập trung vốn cho các dự án có tỷ lệ tái đầu tư cao nhất và sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao nhất (nếu vốn đầu tư vào các dự án đó ban đầu là bằng nhau).

Và khi đã chọn được dự án đầu tư thì phải cung cấp vốn đủ và kịp thời, tránh đầu tư dây dưa gây những lãng phí thất thoát không cần thiết.

Những tiêu chuẩn trên có thể sử dụng đối với những dự án thuộc nhóm kế hoạch ngắn hạn và trung hạn. Còn đối với kế hoạch dài hạn thì nên có chương trình đầu tư theo quy mô lớn và nên chú ý tập trung đầu tư vào những ngành, những vùng, khu vực có tác động mạnh đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hiện đại hóa quá trình sản xuất trong nước, đồng thời tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

Các chương trình trọng điểm mà kỳ họp thứ I Quốc hội khóa X vừa thông qua và 10 chương trình trọng điểm của t/p đã đề ra là biện pháp rất kịp thời theo đúng tinh thần của mô hình số nhân mà nhiều Nhà nước đã sử dụng để chống suy thoái kinh tế. Trong các chương trình đầu tư trọng điểm thì các chương trình đầu tư vào cơ sở hạ tầng chiếm đa số là điều nên làm vì cơ sở hạ tầng của ta còn quá yếu kém gây trở ngại không nhỏ cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Để đầu tư vào những chương trình này nếu cần thì cũng phải vay tiền để ứng trước cho đầu tư, vì đầu tư cho hôm nay là yếu tố quyết định sự phát triển của ngày mai.

Khi đầu tư vào các chương trình trọng điểm có quy mô lớn, ta cũng không nên quên điều mà nhiều nhà kinh điển đã từng cảnh báo: cần phải ưu tiên phát triển ngành sản xuất tư liệu sản xuất, không chỉ vì nó có thể trang bị đầy đủ thiết bị máy móc cho các nhà máy, xí nghiệp trong ngành lẫn những ngành khác của nền kinh tế quốc dân

mà còn vì nếu không có ngành đó thì tuyệt đối không thể thực hiện được tái sản xuất mở rộng.

2. Cơ cấu đầu tư cần phải được điều chỉnh linh hoạt kịp thời nhằm tạo ra sự uyển chuyển khi thực hiện đầu tư.

Có thể nói một trong những nguyên nhân chính trong thời gian qua dẫn đến tình trạng tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng chậm lại là do thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Nếu chúng ta kịp thời điều chỉnh thì đã có thể khắc phục tối đa những hậu quả do nguyên tắc gia tốc gây ra, đồng thời tạo ra điều kiện cho các nhân tố số nhân và gia tốc phát huy theo chiều hướng tích cực.

Chính vì vậy trong kỳ làm việc với lãnh đạo thành phố tháng 10.1997 về tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố Thủ tướng Phan Văn Khải đã nhấn mạnh nội dung: "cần phải kịp thời điều chỉnh cơ cấu đầu tư, đầu tư có trọng điểm để đạt hiệu quả cao, nâng cao sức cạnh tranh" và coi đó là một trong những biện pháp cấp bách cần thực hiện để đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao cho thành phố. Đó cũng là tư tưởng chủ đạo là giải pháp quan trọng cần thực hiện trong năm 1998 trong địa bàn cả nước.

3. Sử dụng nguồn vốn đầu tư có hiệu quả, nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn.

Vốn là nhân tố quan trọng cho quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, song sử dụng vốn cho có hiệu quả lại là vấn đề quan trọng hơn nhiều. Trong một chừng mực nào đó sử dụng nguồn vốn có hiệu quả sẽ đồng nghĩa với sự gia tăng vốn đầu tư, mặt khác sử dụng vốn có hiệu quả còn là khâu quyết định quy mô huy động và tái tạo vốn. Vì vậy nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là nhiệm vụ quan trọng của chiến lược về vốn ở nước ta hiện nay.

Việc sử dụng vốn đầu tư một cách không hiệu quả ở nước ta đã được nhiều sách báo phản ánh. Trong thời gian tới để thiết thực nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cần chú ý:

a. Xác định tỷ lệ thích hợp của cơ cấu vốn, cụ thể cần nâng cao dần tỷ lệ vốn lưu động để tránh tình trạng bất hợp lý như hiện nay (hiện trong các doanh nghiệp vốn cố định chiếm gần 80%; vốn lưu động khoảng trên 20%, trong vốn cố định thì vốn dành cho thiết bị sản xuất chiếm tỷ trọng quá nhỏ so với vốn nhà xưởng...). Trước mắt muốn nâng cao tỷ lệ vốn lưu động cần thực hiện chặt chẽ các biện pháp tiết kiệm, giảm tối đa những khoản chi không cần thiết.

b. Quan tâm đến khả năng hấp thụ vốn đối với các nguồn cung ứng vốn từ nước ngoài. Muốn hấp thụ đầy đủ và có hiệu quả nguồn vốn từ nước ngoài thì trong nước phải cần có đủ nguồn vốn đối ứng. Tỷ lệ này thường khác nhau ở những nước khác nhau, ở nước ta bước đầu có thể là 1/1.

c) - Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cần chú ý xác định thống nhất các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư. Nên chăng hãy sử dụng hệ số ICOR một cách thường xuyên hơn trong hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư.

Khi sử dụng hệ số ICOR cần chú ý, bản thân hệ số ICOR vừa phản ánh quy mô của vốn đầu tư, vừa phản ánh hiệu quả sử dụng vốn. Vì vậy muốn đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua hệ số ICOR chúng ta cần xây dựng được hệ số ICOR chuẩn cho các lĩnh vực chính của nền kinh tế. Và khi hệ số chuẩn được xác định thì đó sẽ là tiêu chuẩn để xét các dự án đầu tư. Dự án nào có hệ số k nhỏ nhất và thoả mãn điều kiện của hệ số ICOR chuẩn thì sẽ được lựa chọn để thực hiện đầu tư. ■